

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 1

Trụ trì Đại Trung Tường Phù Thiên tự,
Gia Hưng lộ [hiệu Hoa Đình Niệm Thường soạn.

1. Có kệ của bảy Phật:

Đức Phật Tỳ-bà-thi: (Đức Phật thứ chín trăm chín mươi tám của
Quá khứ Trang Nghiêm kiếp)

Có kệ :

*Thân từ trong vô tướng thọ sinh
Giống như huyễn tạo các tượng hình
Tâm thức người huyễn xưa nay chẳng
Tội phước đều không không chỗ nương.*

Trong kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ tám vạn
tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng Sát-
lợi, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu-bà-đề, ở tại thành Bàn-đầu-bà-đề,
ngồi dưới cây Bà-la thuyết pháp. Trong ba hội độ được ba mươi bốn vạn
tám ngàn người. Thần túc có hai vị là Kiên-trà và Đề-xá. Thị giả là Vô
Ưu, con là Phòng Ứng.

Đức Phật Thi-khí (Đức Phật thứ chín trăm chín mươi chín trong
Quá khứ Trang Nghiêm kiếp)

Có kệ.

*Khởi các thiện pháp vốn là huyễn
Tạo các ác nghiệp cũng là huyễn
Thân như bọt tu, tâm như gió
Huyễn tạo không căn, không thật tánh.*

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ bảy vạn tuổi
(70.000) thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng
dõi Sát-lợi, cha là Minh Tướng, mẹ là Quang Diệu, ở tại thành Quang
tướng, ngồi dưới cây Phân-đà-lợi thuyết pháp. Trong ba hội, độ được
hai mươi lăm vạn người. Thần túc có hai vị là A-tỳ-phù và Bà-bà. Thị
giả là Nhẫn Hạnh, con là Vô Lượng.

Đức Phật Tỳ-xá-phù (Đức Phật thứ một ngàn trong Quá khứ Trang
Nghiêm kiếp)

Có kệ :

*Vay mượn bốn đại để làm thân
Tâm vốn không sinh sinh do cảnh
Cảnh trước nếu không, tâm cũng không
Tội phước như huyễn khởi cũng diệt.*

Kinh trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ sáu vạn tuổi (60.000) thì Đức Phật này ra đời. Ngài Họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng Sát-lợi, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xứng Giới, ở tại thành Vô dụ, ngồi dưới cây Bác-lạc-xoa thuyết pháp. Trong hai hội độ được mười ba vạn người. Thần túc có hai vị là Phù-du và Uất-đa-ma. Thị giả là Tịch Diệt, con là Diệu Giác.

Đức Phật Câu-lưu-tôn (Đức Phật đầu tiên trong Hiền kiếp)

Có kệ:

*Thấy thân không thật là Phật thân
Biết tâm như huyễn là Phật huyễn
Thấu được thân tâm vốn tánh không
Người này cũng Phật đâu sai khác.*

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ bốn vạn tuổi (40.000) thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Lẽ Đức, mẹ là Thiện Chi. Ở tại thành An hòa, ngồi dưới cây Thi-lợi-sa thuyết pháp. Trong một hội độ được bốn vạn người. Thần túc có hai vị là Tát-ni và Tỳ-lâu. Thị giả là Thiện Giác, con là Thượng Thắng.

Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Đức Phật thứ hai trong Hiền kiếp)

Có kệ :

*Phật chẳng thấy Phật biết là Phật
Nếu thật biết rằng không Phật khác
Người trí hay biết tội tánh không
Thần nhiên chẳng sợ gì sinh tử.*

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ ba vạn tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng, ở tại thành Thanh Tịnh, ngồi dưới cây Ưu-đàm-bà-la thuyết pháp. Trong một hội độ được Ba vạn người. Thần túc có hai vị là Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu. Thị giả là An Hòa, con là Đạo Sư.

Đức Phật Ca-diếp (Đức Phật thứ ba trong Hiền kiếp)
Có kệ :

*Tất cả chúng sinh tánh Thanh Tịnh
Vốn từ vô sinh nên không diệt
Tức thân tâm này là huyễn sinh
Ngay trong huyễn hóa không tội phước.*

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ hai vạn tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ, ở tại thành Ba-la-nại, ngồi dưới cây Ni-câu-loại thuyết pháp. Trong một hội độ được hai vạn người. Thần túc có hai vị là Đề-xá và Bà-la-bà. Thị giả là Thiện Hữu, con là Tiến Quân.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Đức Phật thứ tư trong Hiền kiếp)
Có kệ :

*Pháp vốn là pháp là vô pháp
Pháp vô pháp thấy đều là pháp
Ngày nay trao phó vô pháp này
Pháp pháp đâu từng chỉ là pháp.*

Ngài thuộc dòng dõi Sát-lợi, cha là Tịnh Phạm Thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh, ở tại thành Xá-vệ, ngồi dưới cây Bồ-đề thuyết pháp. Trong một hội độ được một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, độ người vô lượng. Thần túc có hai vị là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Thị giả là A-nan, con là La-hầu-la.

Phật xưa ứng thế nối nhau không cùng, đâu thể đếm biết hết số lượng được. Thế Tôn từng nói: Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem nhiều kiếp lâu xa ấy giống như ngày nay. Thế nên căn cứ trong kinh Phật Danh, thì ghi đủ một ngàn Đức Phật trong hai kiếp quá khứ và hiện tại. Đến Đức Thích-ca thì nêu tiêu biểu bảy vị mà thôi.

Kinh A-hàm chép:

*Sức tinh tấn bảy Phật
Phóng quang diệt ám tối
Mỗi vị ngồi đạo tràng
Thành tựu quả Chánh giác.*

Người phiên dịch Có kệ của Phật, Tổ chính là cao Tăng Vân Khải Nhất Đồng, Tam tạng Na-liên-da-xá người Thiên Trúc, phiên dịch tại nước Quy Tư. Việc này có ghi lại trong niên hiệu Lương Đại Đồng thứ sáu (540).

Đại Nguyên, Đế sư Phát Hợ Tư Ba thuyết: Chương Sở Tri Luận.

(Tuyên Thọ Giang Hoài Phước Kiến Đẳng Xứ Thích Giáo Tổng Thống Pháp Tánh, Tam tạng hoàng giáo Phật Trí Đại sư Sa-la-ba dịch).

2. Phẩm Khí Thế giới:

Thế do Khí thế giới tạo thành tức là vô số những thứ mà tứ đại hình thành nên. Vì vậy đất thì cứng, nước thì ướt, lửa thì nóng, gió thì động. Đại chủng ấy nếu vô cùng nhỏ nhiệm thì gọi là cực vi trần hay Lân hư trần. Thế trạng của nó không thể nào chia chẻ được nữa. Bảy Lân hư như vậy là một cực vi. Bảy cực vi là một vi trần. Bảy vi trần là một Thấu kim trần. Bảy Thấu kim trần là một Thấu thủy trần. Bảy Thấu thủy trần là một Thố mao trần (bụi bằng đầu lông thỏ). Bảy thố mao trần là một Dương mao trần (bụi bằng đầu lông dê). Bảy Dương mao trần là một Ngưu mao trần (bụi bằng đầu lông trâu). Bảy Ngưu mao trần là một Du kích trần (bụi chui qua kẽ hở). Bảy Du kích trần là một Kỷ lượng (con rận con). Bảy Kỷ lượng là một Sắt lượng (con chấy, con rận). Bảy Sắt lượng là một mạch lượng (bụi bằng hạt lúa). Bảy mạch lượng là một đốt ngón tay. Ba đốt là một ngón tay. Hai mươi bốn ngón tay đo ngang là một khuỷu tay. Bốn khuỷu tay là một cung. Năm trăm cung là một câu-lô-xá. Tám câu-lô-xá là một do-tuần. Đó là độ lượng thân tướng của thế giới. Nguyên nhân hình thành thế giới là do cộng nghiệp của tất cả hữu tình chiêu cảm nên. Vậy thế nào gọi là thành? Đó là gió từ mười phương trong hư không nổi lên xô xát nhau hình thành một lớp cứng chắc bất động là Diệu phong luân. Nó có màu xanh, trắng vô cùng cứng chắc, dày mười sáu Lạc-xoa do-tuần, rộng thì vô số. Nhờ hơi nóng nên sinh ra mây và gọi đó là Kim tạng. Mây tuôn mưa lớn, nương gió mà trụ, và gọi là đáy biển. Nó dày mười một lạc-xoa ba vạn do-tuần, rộng mười hai lạc-xoa ba ngàn bốn trăm năm mươi do-tuần. Nước từ đáy biển đẩy lên phía trên kết thành vàng, giống như sữa chín đóng một lớp mô trên bề mặt. Đây gọi là Kim địa luân. Thế nên thủy luân mỏng hơn, chỉ dày có tám lạc-xoa, phần còn lại đều chuyển thành vàng, dày ba lạc-xoa hai vạn do-tuần. Kim luân rộng ngang bằng Thủy luân. Chu vi của nó thành ba lần như vậy, tổng cộng gồm ba mươi sáu lạc-xoa, Một vạn ba trăm năm mươi do-tuần. Nó ở trên lớp phong luân của đáy thế giới Ta-bà. Địa luân Thủy luân ở dưới đáy của tứ châu. Trên lớp Địa luân lại do mưa lớn nên thành ra biển lớn. Chúng bị gió, đánh bạt cả ra những phần tinh diệu kết tụ lại thành Diệu Cao sơn, những phần kế đó kết tụ lại thành bảy núi vàng, những phần dưới nữa kết tụ lại thành Luân vi sơn. Những phần tạp khác kết tụ thành tứ châu... Thế của Diệu

Cao sơn, phía Đông có bạc, phía Nam có lưu ly, phía Tây có pha lê, phía Bắc có vàng kết tụ lại với nhau làm thành. Còn bảy núi vàng, tứ châu v.v... do những phần tạp tạo thành. Riêng Luân vi sơn chỉ có sắt làm thành. Thân lượng của Diệu Cao sơn chìm sâu trong nước đến tám vạn du-thiện-na. So với những núi khác nó cao hơn cả, nên gọi là Diệu Cao . Sau đó là đến thứ lớp của bảy núi vàng:

1. Du-càn-đà-la: Cao bốn vạn do-tuần (40.000)
 2. Y-sa-đà-la: Cao hai vạn do-tuần. (20.000)
 3. Khư-đắc-la-kha: Cao một vạn do-tuần. (10.000)
 4. Tu-đăng-sa-la: Cao năm ngàn do-tuần. (5.000)
 5. A-thâu-cát-na: Cao hai ngàn Năm trăm do-tuần. (2.500)
 6. Tỳ-ni-đát-ca-na: Cao một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần. (1.250)
 7. Ni-dân-đà-la: Cao sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. (625)
- (Trong Tạng luận sơ thì nói: 1. Trì song sơn; 2. Trì trực sơn; 3. Diêm mộc sơn; 4. Thiện kiến sơn; 5. Mã nhĩ sơn; 6. Tượng ty sơn; 7. Ngư chủng sơn.)

Bên ngoài bốn đại châu có Luân vi sơn. Núi này cao hai trăm mười hai (212,5) do-tuần. Những núi ấy phần ẩn sâu trong nước và phần nhô khỏi mặt nước bằng nhau. Khoảng giữa bảy núi vàng là nơi mà các Long Vương dạo chơi, nên gọi đây là Hý hải. Giữa tám núi có bảy biển rất gần với núi Diệu Cao là:

1. Biển Du-càn-đà-la: Rộng tám mươi ngàn do-tuần.
2. Biển Y-sa-đà-la: Rộng bốn mươi ngàn do-tuần.
3. Biển Khư-đắc-la-kha: Rộng hai mươi ngàn do-tuần.
4. Biển Tu-đăng-sa-la: Rộng mười ngàn do-tuần.
5. Biển A-thâu-cát-na: Rộng năm ngàn do-tuần.
6. Biển Tỳ-ni-đát-ca-na: Rộng hai ngàn năm trăm do-tuần.
7. Biển Ni-dân-đà-la: Rộng một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần.

Trong biển chứa đầy nước tám công đức. Tám núi bảy biển đều có hình vuông. Biển bên ngoài có vị mặn. Từ Ni-dân-đà-la lên đến Luân vi sơn, hai núi này cách nhau ba lạc-xoa, hai mươi hai ngàn do-tuần. Biển bên ngoài tuy nước không phân giới hạn, nhưng do màu sắc của Núi Diệu Cao , nên biển phía Đông có màu trắng, biển phía Nam có màu xanh, biển phía Tây có màu hồng, biển phía Bắc có màu vàng, do đó mà gọi là tứ hải. Chu vi của nó rộng đến ba mươi sáu lạc-xoa bảy trăm năm mươi do-tuần. Bên ngoài có Luân vi sơn, chu vi rộng ba mươi sáu lạc-xoa hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. Bên ngoài biển

này là Nam Thiệm-bộ châu. Hình dáng của hai châu này như hai mái xe hẹp dần lên và cách núi Thiết vi ba do-tuần (3,5). Ba mặt còn lại, mỗi mặt cao hai ngàn do-tuần, chu vi rộng sáu ngàn ba trăm năm mươi do-tuần. Có hai Trung châu là Đông Giá-ma-la (Hán dịch là Miêu Ngưu) và Tây Bà-la-ma-la (Hán dịch là Thắng Miêu Ngưu). Chính giữa Nam Thiệm-bộ châu là nước Ma-kiệt-đà. Đây là nơi đản sinh của ba đời chư Phật. Kế đến, từ đó đi thẳng qua hướng bắc qua khỏi chín ngọn Hắc sơn có một núi Tuyết lớn, tên là Cụ kiết tường. Phía Bắc núi này có núi Hương túy. Giữa hai núi này có vị đại Long Vương tên là Vô Nhiệt. Ao mà Long Vương này cư ngụ tên là A-nậu-đạt (Hán dịch là Vô Nhiệt). Hình dáng ao này bốn mặt đều vuông, mỗi mặt dài năm mươi do-tuần, chu vi rộng hai trăm do-tuần. Trong ao chứa đầy nước tám công đức. Từ trong ao này lưu xuất ra bốn con sông lớn. Phía Đông là sông Khắc-già. Sông này từ miệng voi lưu xuất cát bạc tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Đông. Phía Nam là sông Tân độ, từ miệng trâu lưu xuất cát bằng lưu ly, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Nam. Phía Tây là sông Phược sô, từ trong miệng ngựa lưu xuất ra cát như pha lê, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Tây. Phía Bắc là sông Tất đất, từ miệng Sư tử lưu xuất ra cát vàng, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Bắc. Bốn sông lớn ấy từ trong ao Vô nhiệt xoay vòng qua phải bảy vòng theo hướng mà lưu chuyển. Từ Hương sơn đi thẳng về hướng Bắc hai mươi do-tuần, ở đó có nham thạch tên là Nan-đà. Bề mặt nham thạch mỗi mặt rộng năm mươi do-tuần, chu vi là hai trăm do-tuần, cao ba do-tuần. Lại có tám ngàn tiểu nham thạch khác. Cách nham thạch này hai mươi do-tuần về hướng Bắc có cây Sa-la Thọ Vương tên là Thiên trụ. Rễ của nó ăn sâu trong đất đến bốn mươi Cung lượng, cao tám mươi Cung lượng, có bảy hàng cây làm lưới bao bọc chung quanh. Cách hai mươi do-tuần về phía Đông có ao Hoãn lưu. Hình dáng của nó hình tròn, rộng năm mươi do-tuần, chu vi là một trăm năm mươi do-tuần. Lại có tám ngàn ao nhỏ khác, ao chứa đầy nước tám công đức, trong đó lại có hoa sen. Lá sen giống như da trâu, thân sen như ống cuốn tròn, hoa lớn tựa bánh xe, vị của hoa ngọt như mật. Ở đó lại có Đế Thích thường lâm chiến. Người cõi Tượng Vương tên là Thiện trụ, có tám ngàn tượng Vương. Bốn tháng lạnh ở tại Kim nham, bốn tháng nóng ở tại Thiện trụ, bốn tháng mưa ở tại ao Hoãn lưu. Bên cạnh ao Vô nhiệt có cây Thiệm-bộ, trái lớn như cái vò, mùi vị rất ngon ngọt. Khi chín rơi xuống nước phát ra âm thanh Thiệm-bộ, loài rồng biển thành cá ăn những trái này. Những trái héo, trôi theo dòng nước chuyển

thành vàng Thiệm-bộ. Do đó tên cây này xưa gọi là Thiệm-bộ.

Phía Tây của châu này có nước Ô Điền, Đại Kim Cang Cung Trì Chung ở đó. Pháp Kim Cang Thừa được truyền từ đây. Trong biển Nam có núi tên là Trì Thuyền, Bồ-tát Quán Thế Âm ở trên đỉnh của núi này, Thánh Đa-la Mẫu ở tại chân núi. Phía Đông có Ngũ phong, Bồ-tát Văn-thù ở tại đó. Ở đó còn có mười sáu nước lớn và hơn một ngàn nước nhỏ. Lại có ba trăm sáu mươi chủng loại người, bảy trăm hai mươi loại dị âm. Ở bên ngoài cùng về phía Đông có một châu tên là Thắng thân, hình dáng của châu này giống như nửa mặt trăng. Bề mặt đối diện với núi Diệu Cao rộng ba trăm năm mươi do-tuần, các mặt còn lại rộng sáu mươi do-tuần. Chu vi của nó là sáu ngàn ba trăm năm mươi do-tuần. Hai bên châu này có hai Trung châu là Bắc Đề-ha (Hán dịch là Thân) và Nam Tỳ-đề-ha (Hán dịch là Thắng Thân). Ba châu đó hơn các châu khác bằng bảy cây Đa-la. Có thuyết cho rằng, con người ở đây tướng mạo rất đoan nghiêm, thân tướng rất thù thắng nên gọi là Thắng thân. Ở biển ngoài cùng về phía Bắc có một châu tên là Cưu-lâu, hình dáng châu này có bốn góc, hơi nghiêng. Mỗi mặt rộng hai ngàn do-tuần, chu vi là tám ngàn do-tuần. Hai bên châu này có hai Trung châu, một châu tên là Cưu-lâu (Hán dịch là Hữu Thắng), một châu tên là Cao-la-sa (Hán dịch là Hữu Thắng Biên). Sự thọ dụng của người trong các châu này từ cây Như ý lưu xuất ra. Trước khi họ chết bảy ngày, cây Như ý phát ra âm thanh rất buồn, báo trước rằng trong bảy ngày nữa thì họ chết. Có thuyết cho rằng người trong châu này lưỡi của họ phát ra Quỷ âm, cắn đứt thịt để ăn, nên gọi là Cưu-lâu. Đó là những âm thanh không hay ho gì.

Ở bên ngoài cùng về phía Tây có một châu tên là Ngưu Hóa. Hình dáng của nó giống như mặt trăng tròn đầy, dài hai ngàn năm trăm do-tuần, chu vi bảy ngàn năm trăm do-tuần. Hai bên có hai Trung châu là Nam Xá-hô (Hán dịch là Cự Xiểm) và Bắc Ôn-đát-la Mạn-đát-ri-noa (Hán dịch là Nghi Thượng). Người trong các châu này hầu hết dùng trâu quý để trao đổi buôn bán, nên gọi là Ngưu hóa, núi, biển v.v... của châu này đều hưởng xuống dưới, đều dài tám mươi ngàn do-tuần. Nó ở gần phần đất vàng nên gọi gần Nam Thiệm-bộ châu. Tinh cát tức châu, Kim châu, Nguyệt châu v.v...đều thuộc Thiệm-bộ châu. Các đại châu khác, tiểu châu cũng như vậy.

Cách châu này bốn mươi ngàn do-tuần trên không trung, thì hoàn toàn sạch sẽ, không ngăn ngại. Đây được gọi là Thắng kiên phong luân. Nó xoay vần qua bên phải. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không cư thiên

v.v... đều nương lớp phong luân này mà trụ.

3. Mặt trời:

Do Hỏa châu hình thành, đường kính năm mươi mốt do-tuần, chu vi một trăm năm mươi ba do-tuần, dày sáu do-tuần mười tám phân. Phía trên có viền vàng. Trên lại có vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... đan kết thành bốn phía. Cung điện Sở cư của Nhật Thiên tử vận hành nhờ gió. Một ngày một đêm mặt trời xoay vẫn khắp bốn đại châu. Khi mặt trời xoay sang hướng Bắc thì ngày dài hơn, khi xoay vẫn qua Nam thì ngày ngắn hơn. Trong lúc xoay vẫn Nam bắc như vậy phân định thành ngày đêm. Những nơi nó ngang qua, do có tiếp nhận ánh sáng nên có nóng lạnh, đó là mùa đông, mùa hạ. Nó vận hành qua Bắc sáu tháng, vận hành sang Nam sáu tháng. Vận hành đến ngay giữa thì gọi mặt trời, mặt trăng xoay vòng trở lại. Quay giáp một vòng thì gọi là một năm.

4. Mặt Trăng:

Do Thủy châu hình thành, đường kính năm chục do-tuần, chu vi một trăm năm chục do-tuần, dày sáu do-tuần mười tám phân. Phía trên lại có vàng, bạc, lưu ly, pha lê... đan kết thành bốn hướng, là cung điện mà Nguyệt Thiên tử... cư trú. Mặt trời, mặt trăng cách nhau xa hay gần thì bóng của nó giảm hay Tăng. Do Tăng một phần thì một nửa phía trên đủ cả mười lăm phần và gọi là trăng tròn, do giảm một phần thì nửa phần dưới bị che khuất cả mười lăm phần nên gọi là trăng khuyết. Do Tăng giảm nên gọi là Túc không, do một ngày đêm nên gọi là Túc địa. Như vậy ba mươi ngày thì gọi là một tháng.

5. Các Vì Sao:

Các vì sao do các thứ báu trong cung của Không Cư thiên hình thành nên. Hình dáng của nó đều tròn. Sao nhỏ nhất bằng một giọt sữa bò, sao hạng trung bằng ba giọt sữa bò, và sao lớn nhất bằng sáu giọt sữa bò. Chu vi của nó gấp ba lần, nối liền với Tứ Vương Chúng.

6. Núi Diệu Cao:

Núi Diệu Cao có bốn tầng. Từ mặt nước lên đến mười ngàn do-tuần là tầng đầu tiên. Tầng này từ núi Diệu Cao nhô ra mười sáu ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là tầng thứ hai, tầng này nhô ra tám ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là tầng thứ ba, tầng này nhô ra bốn ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là

tầng thứ tư, tầng này nhô ra hai ngàn do-tuần. Đỉnh của Diệu Cao này có bốn góc, mỗi góc có một ngọn núi cao bốn do-tuần, rộng một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần. Thần Dược-xoa ở ngay trong đó. Trên đỉnh Diệu Cao là cõi trời thứ ba mươi ba. Thành ở ngay chính giữa tên là Thiện kiến. Thành này toàn do vàng làm thành, một do-tuần, mỗi mặt rộng hai ngàn năm trăm do-tuần, chu vi là mười ngàn do-tuần. Thể chất của thành bằng vàng, lại dùng đủ cả trăm thứ vật quý khác trang sức. Đất trong thành mịn màng như vải lụa Đâu-la. Bốn mặt thành đều có mười sáu ngàn trụ báu, xà báu, đôn tay báu, mái che báu. Bốn mặt có bốn cửa, lại có một ngàn lầu nhỏ, mỗi lầu có một cửa nhỏ. Bốn ngã đường lớn có các đường nhỏ. Bên cạnh bốn cửa thành, năm trăm Thiên tử đều mặc giáp cứng giữ cửa thành. Trong thành có cung điện của Đế Thích tên là Tối Thắng Xứ, hay còn gọi là Thù thắng điện. Hình trạng của cung, bốn mặt vuông vức cao bốn trăm năm mươi do-tuần, mỗi mặt rộng hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi là một ngàn do-tuần. Có một trăm lẻ một lầu trong cung điện. Mỗi một lầu lại có bảy lầu báu, mỗi một lầu báu có bảy lầu nhỏ. Mỗi một lầu nhỏ có bảy ao đầm, mỗi một ao đầm có bảy ao sen. Trên mỗi hoa sen có bảy đồng nam đồng nữ tấu vô số âm nhạc ca múa làm vui. Phía Đông của thành Thiện kiến là nơi để xe ngựa, còn gọi là vườn Chúng Xa, cao một ngàn do-tuần, phía Nam là nơi Lâm chiến được gọi là vườn Thô ác Phía Tây là nơi để đi lại được gọi là vườn Tương Tạp Phía Bắc là nơi dạo chơi được gọi là vườn Hoan Hỷ. Những vườn này ngang rộng bằng thành trước. Phía ngoài những khu vườn này khoảng hai mươi do-tuần có một nơi tên là Thiện Địa, được gọi là Chúng Xa Thô Ác Tương Tạp Hoan Hỷ. Chu vi bằng những vườn kia. Phía Đông bắc của thành Thiện Kiến có cây Như ý tên là Ba-lợi-xà-đa, hay còn gọi là cây Viên Sinh. Rễ ăn sâu trong đất năm mươi do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành nhánh tỏa rộng năm mươi do-tuần. Nó hay lưu xuất các loại dục lạc. Bên dưới có một bàn đá tên là A-lật-ma-lệ-ca, màu sắc trắng như lông cừu, mặt bàn rộng năm mươi do-tuần, chu vi hai trăm do-tuần. Phía Tây nam thành Thiện kiến là nơi chư Thiên tụ hội, tên là Thiện pháp đường, rộng chín trăm do-tuần. Thiện Pháp đường có hình tròn, ngay chính giữa pháp đường là tòa của Đế Thích. Tòa này toàn do vàng làm thành. Chu vi của tòa có ba mươi hai chỗ ngồi của phụ thần, được bày biện xung quanh. Cõi trời thứ Ba Mươi Ba cao tám mươi ngàn do-tuần, ở trong hư không, nương gió mà trụ. Cõi này đều do những món báu làm thành.

Ly Tránh: Thân lượng của cung này gấp hai lần đỉnh núi Diệu

Cao, cao đến một trăm sáu mươi ngàn do-tuần, ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Đâu-suất: Kích thước bằng Ly Trách , ngang rộng gấp hai lần, cao đến ba lạc-xoa, hai vạn do-tuần, ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Hóa Lạc: Kích thước bằng Đâu-suất, ngang rộng gấp hai lần, cao đến sáu lạc-xoa bốn vạn do-tuần. Ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Tha Hóa Tự Tại thiên cung: Kích thước bằng Hóa Lạc, ngang rộng gấp hai lần. Đây là Dục giới, phía trên có Sơ thiên. Như vậy: Bốn châu, bảy núi, Diệu Cao , Luân vi, Lục thiên của Dục giới và Sơ thiên... là một Tứ thiên hạ. Một ngàn Tứ thiên hạ là một Tiểu thiên giới, có một Tiểu thiết vi bao bọc xung quanh. Một ngàn Tiểu thiên giới như vậy là một Trung thiên giới, có một Trung thiết vi sơn bao bọc. Một ngàn trung thiên giới như vậy là tam thiên đại thiên thế giới, có một Đại thiết vi sơn bao bọc chung quanh. Như vậy có tất cả trăm ức Tứ thiên hạ rải rác khắp cả. Giữa các núi như Thiết vi... là nơi tắm tối, không có ngày đêm, ngửa tay trước mặt còn không thấy.

Sơ thiên thiên: Kích thước bằng Tứ thiên hạ.

Nhị thiên thiên: Kích thước bằng Tiểu thiên giới.

Tam thiên thiên: Kích thước bằng Trung thiên giới.

Tứ thiên thiên: Kích thước bằng tam thiên đại thiên thế giới .

Vô sắc giới: Không có xứ sở riêng biệt. Vậy nếu người sinh lên đây thì mệnh chung ở đâu? Đó là trụ trong Vô sắc định ở ngay trong xứ ấy. Thế nên gọi là Vô sắc.

7. Phẩm Tình Thế giới:

Tình thế giới tổng cộng có sáu loại:

1. Địa ngục.
2. Ngạ quỷ.
3. Bàn sinh.
4. Người.
5. Phi thiên.
6. Trời.

Tên gọi và ý nghĩa của sáu loại này như thế nào? Đó là: Chặt róc thân thể tay chân nên gọi là Địa ngục. Đói khát bức bách nên gọi là ngạ quỷ. Loài đi bụng nằm ngang nên gọi là bàn sinh. Tâm ý quá nhiều phân biệt, nên gọi là Người (Đây là ý nghĩa của Ma-nâu-sa). Thân và

sự thọ dụng giống như trời, nhưng nhỏ liệt, kém cõi, thô xấu hơn, hoặc do không có rượu, nên gọi là Phi thiên (Đây là nghĩa của A-tu-la). Từ thân Phạm thiên sinh ra, chỉ dạo chơi làm vui, hoặc đáng được cúng dường, nên gọi là Trời (Đây là nghĩa của Đê-bà).

- **Địa ngục:** Từ Thiệm-bộ châu xuống sâu hai mươi ngàn do-tuần, thành quách bốn bên rộng hai mươi ngàn do-tuần, thành toàn bằng sắt, lửa cháy hừng hực. Có tám địa ngục nóng:

Địa ngục Cánh hoạt: Loài hữu tình sinh ở đây, do nghiệp lực đã tác tạo từ trước chiêu cảm quả báo, oán ghét nổi lên, cầm các thứ khí cụ, xáp vô chặt bửa thân mình đứt thành muôn đoạn, ngắt đi tạm chết. Ngay trong âm cảnh ấy nghe âm thanh liền sống trở lại và tiếp tục chém giết nhau. Một đời của họ bằng một ngày một đêm ở Tứ thiên Vương thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua năm trăm năm để chịu sự thống khổ đó.

Địa ngục Hắc Thằng: Ngục tốt của ngục này lấy dây đen quấn chặt thân hữu tình từ đầu đến chân, dùng cửa lửa cửa nát thân thể tay chân hữu tình. Do nghiệp lực đã tạo chiêu cảm, nên thân nát ấy lại sống trở lại. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Đao-lợi thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua một ngàn năm để chịu sự khổ sở ấy.

Địa ngục Chúng Hợp: Hữu tình sinh ở đây, ngục tốt dùng hai trái chùy bằng sắt đánh, hoặc dùng hai trái núi bằng sắt như đầu con dê, hai núi này xô ép lại nghiền nát thân thể hữu tình, khi hai trái núi giãn ra, liền tự nhiên có lửa nổi lên thiêu đốt. Cứ thế lại tiếp tục nghiền ép đến nát thân. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Ly Trách thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua hai ngàn năm để chịu khổ báo.

Địa ngục Hào khiếu (Kêu gào): Hữu tình sinh sang đây, do sợ ao sắt nóng nên chạy vào trong rừng rậm, bị lửa cháy bùng bùng nổi lên thiêu đốt mãi cả năm như vậy. Nhưng do nghiệp lực trong đời trước, lưỡi của họ dài rộng đến một ngàn do-tuần, có một con trâu lớn sừng sắt, móng sắt, kéo cày bằng sắt, lửa cháy đỏ rực, cày bừa trên lưỡi. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Đâu-suất thiên. Như vậy tính ra họ phải trải qua bốn ngàn năm để chịu khổ báo.

Địa ngục Đại hào khiếu: Cũng như trong ngục trước nhưng sự thống khổ gấp bội lần. Thọ mạng của họ một đời bằng một ngày đêm trên cõi Hóa lạc thiên. Như vậy tính ra họ phải trải qua tám ngàn năm để chịu khổ sở.

Địa ngục Viêm Nhiệt (Nóng bức): Thành ngục bằng sắt dày ba lớp, lửa cháy ngàn ngút, tội nhân ở trong ấy gánh chịu khổ báo. Một đời

của họ bằng một ngày đêm trên cõi Tha Hóa Tự Tại. Như vậy tính ra họ phải trải qua mười sáu ngàn năm để chịu quả khổ.

Địa ngục Cực Viêm Nhiệt: Giống như ở ngục trên nhưng sự thống khổ gấp bội lần. Họ phải trải qua nửa Trung kiếp để chịu khổ báo ở đây.

Địa ngục Vô Giá: Thân trong ngục sắt này bị một đám lửa lớn thiêu đốt, khổ sở vô cùng. Họ phải trải qua một Trung kiếp để chịu khổ báo ở đây.

Mười sáu Ngục Tăng: Bên cạnh tám ngục nóng lại có bốn sở ngục nữa là:

Đường Ổi Tăng (Than nướng): Sâu lút đầu gối, hữu tình thác sinh ở đây, vừa mới bước chân xuống thì da, thịt, máu, mỡ đều cháy tiêu hết cả, chỉ còn lại bộ xương. Nhấc chân lên thì da thịt bình phục như cũ.

Hộ Phần Tăng (Nhà xí): Các thứ bất tịnh cao đến lưng của tội nhân. Trong ấy có vô số côn trùng đeo bám cắn rủa. Miệng của nó bén như kim, châm vào da thịt tội nhân thấu đến tận xương tủy để rủa cắn thân thể tội nhân.

Phong Dao Tăng (Núi dao): Lại có ba ngục:

Dao nhận lộ: Trong ngục này dùng dao nhọn chia ngược lên làm đường đi. Tội nhân sinh sang đây vừa mới đặt chân xuống thì da, thịt, máu, mỡ đều bị nát nhừ, nhấc chân lên thì lại bình phục như cũ.

Kiểm Diệp Lâm : Trong rừng cây này, là cây toàn là dao kiếm bén nhọn. Tội nhân thác sinh ở đây, bị gió thổi lá cây ấy rơi xuống chém nát thân thể, xương thịt rã rời. Lại có quạ chó đến tranh nhau ăn thịt.

Thiết Thích Lâm (Còn gọi là Tiêm-ma-lợi): Trong rừng cây này có những dùi sắt bén nhọn dài mười sáu ngón tay. Lúc tội nhân bị ép phải leo lên leo xuống, dùi sắt bén nhọn ấy đâm từ dưới lên, chích từ trên xuống. Cứ như vậy da thịt, máu mỡ của họ treo đầy trên đầu dùi sắt nhọn, chỉ còn trơ lại gân xương. Lại có loài chim mổ sắt bay đến mổ mắt, óc, não tội nhân, chúng tranh nhau giành thịt mà ăn. Ba loại ngục trên tuy khác nhau, nhưng cùng dùng khí cụ bằng sắt, nên nó chỉ là thuộc trong một ngục.

Liệt Hà Tăng (Sông sôi): Còn gọi là Vô độ: Trong sông chứa đầy nước nóng bỏng vô cùng, tội nhân ở trong ấy khi bị chìm, lúc bị nổi, hoặc trôi xuôi dòng, hoặc trôi ngược dòng hoặc trôi ngang hoặc trôi dọc, bị nấu bị luộc, xương thịt nát nhừ. Chẳng khác nào trong chảo lớn chứa đầy nước tro rồi đổ thóc gạo vào đó. Dù ngọn lửa đã tắt nhưng hạt gạo cứ theo dòng xoáy của nước mà trôi mãi cho đến nát nhừ. Tội nhân

cũng bị như vậy. Giả sử muốn chạy trốn, thì hai bên bờ đã có ngục tốt, tay cầm dao thương cản đường buộc phải quay lại, nên không bao giờ thoát được. Sông này như cái hào, ba ngục trước giống như khu vườn. Những ngục này gọi là Cận biên địa ngục.

Tám địa ngục lạnh:

Ngục Thủy Bào: Sinh trong băng giá lạnh rét vô cùng, toàn thân là bong nước, nên gọi Thủy bào ngục. Thọ mạng của họ bằng số hạt mè trong tám mươi học của nước Ma-già-đà, cứ một trăm năm thì vơi đi một hạt, khi mè hết thì thọ mạng của tội nhân mới hết.

Ngục Bào Liệt: Do vì quá lạnh nên những bong nước ấy đều vỡ ra, rỉ chảy ra thứ nước vàng hôi. Thọ mạng của họ gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục A-tra-tra: Do vì quá lạnh phải cắn răng chịu đựng. Thọ mạng của họ gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục A-ba-ba: Phát ra những âm thanh nhẫn chịu lạnh cóng. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục Âu hầu hầu: Do lạnh cóng nên gào khóc thảm thiết, rên la vì khổ. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Uất-bát-la hoa: Do vì lạnh cóng nên thân thể nứt nẻ như lá của hoa Uất-bát-la. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Liên hoa: Do vì lạnh cóng, nên thân thể nứt nẻ như hoa sen nở ra. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Đại liên hoa: Thân nứt nẻ hơn trong ngục trước, như hoa sen lớn nở ra, phơi bày nhiều cánh. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trước.

Còn ngục Cô Độc, ở những nơi đồng hoang núi thẳm trong Thiệm-bộ châu. Trong ngục này mỗi một ngày đêm phải chịu khổ được vui, cứ xen nhau chịu đủ như vậy. Tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, Cận biên ngục và Cô độc ngục, đó gọi là mười tám địa ngục.

- **Ngạ quỷ:** Từ thành Vương xá xuống đến năm trăm do-tuần có một thành quỷ đói tên là Hoàng Bạch, hay còn gọi là Thảm Đạm. Quỷ Vương thành ấy tên là Diêm-la Pháp Vương, cùng ba mươi sáu quyến thuộc đồng ở trong ấy. Trong đó có bốn loại ngạ quỷ:

Ngoại chướng: Tên cơm nước còn không được nghe đến.

Nội chướng: Được chút thức ăn nhưng miệng đau như kim châm nên không thể ăn được. Giả sử đưa thức vào miệng nhưng cổ họng nhỏ như lông đuôi ngựa nên nuốt không trôi. Giả sử nuốt qua cổ họng,

nhưng bụng to như trái núi, nên không thể no được. Dù được no bụng nhưng do căng chân như cỏ rỗng ruột nên không thể cử động được. Tội nhân phải chịu những sự thống khổ như vậy.

Ấm thực chướng: Khi thấy cơm nước, thì bị vô số ngục tốt cầm các khí cù ngăn cản không cho ăn.

Chướng ẩm thực: Lúc ăn uống do nghiệp lực chiêu cảm, cơm nước biến thành hòn sắt nóng, nước đồng sôi từ trong miệng trào ra.

Bốn loại ấy đều là quỷ đói. Một ngày đêm của họ bằng một tháng của dương gian, như vậy tính ra họ phải trải qua năm trăm năm để chịu thống khổ, tức bằng mười lăm ngàn năm của dương gian. Hoặc trên dân gian, những nơi rừng sâu lạnh rét, chúng sinh uống máu ăn thịt đều thuộc về quỷ đói.

- Bàng sinh:

Phần nhiều sống ở bờ sông bờ biển, tụ tập đông đúc tạp nhạp, loài lớn ăn thịt loài nhỏ, loài nhỏ ăn thịt loài lớn. Chúng đàn áp lẫn nhau. Do sóng biển đầy xô không cố định, nên có khi chúng ở trong trời người. Thọ mạng của chúng là nửa trung kiếp, dài bằng Long Vương, hoặc ngắn ngủi như con ve chỉ trong sát-na rồi liền biến mất mạng, thọ mạng ngắn dài không nhất định.

- Người:

Ở trong bốn đại châu, tám Trung châu và các Tiểu châu khác. Thọ mạng của họ, chẳng hạn như người trong Thiệm-bộ châu lúc sơ kiếp thì vô lượng, lần hồi giảm dần, như nay chỉ còn sáu mươi tuổi. Sau đó dần dần giảm tiếp đến còn mười tuổi, rồi lại Tăng dần đến mức vô lượng. Người ở Bắc Câu-lô châu thọ mạng thọ mạng nhất định là một ngàn năm; Đông Thắng thân là năm trăm năm, Tây Ngưu hóa châu là hai trăm năm mươi năm; trừ Bắc Câu-lô châu, người trong các châu khác đều có chết yếu. Sự thọ dụng của họ thì, ở Bắc Câu-lô châu thức ăn tự nhiên sẵn có, y phục, anh lạc, đều từ cây Như ý lưu xuất ra. Còn ba châu kia thì ăn ngũ cốc, rau, thịt, dùng của báu để trang sức. Thân lượng của họ thì người trong Thiệm-bộ châu cao bốn Khuỷu tay, ở Đông Thắng thân cao tám khuỷu tay, ở Tây Ngưu hóa cao mười sáu khuỷu tay, ở Bắc Câu-lô cao ba mươi hai khuỷu tay. Mặt mũi của họ giống hình dáng của châu đó. Người ở tiểu châu cũng giống như đại châu, nhưng thân lượng chỉ bằng một nửa.

- Phi thiên:

Từ mặt nước của Diệu Cao xuống mười một ngàn do-tuần, trong thành Quang Minh ở nơi núi rộng thông thoáng có A-tu-la Vương tên là

La-hầu-la (Hán dịch là nhiếp não) cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa, trong thành Tinh Man có A-tu-la Vương tên là Hạng Man cùng quyến thuộc ở trong ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa, trong thành Kiên Lao có A-tu-la Vương tên là Diệu Trấn, hay còn gọi là Đại Lực cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa trong thành Thâm thâm có A-tu-la Vương tên là Tỳ-ma-chất-đa-la (Hán dịch là Ty Chung chủng hay Văn Thân) cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Loài này thường hay đánh nhau với trời Đế Thích. Thành của chúng tên là Cự kim, cung điện tên là Tấu Nhạc, cây Như ý thọ Vương tên là Tức đất bát lật, nơi hội họp tên là Hiền Tài, bàn đá tên là Thiện hiền, vườn tên là Phổ Hỷ. Thiện địa tên là Diệu Hỷ Tối Hỷ Thâm Hỷ, hay còn gọi là Phổ hỷ diệu Hỷ Tối Hỷ Thâm Hỷ. Lúc lâm chiến cỡi con voi tên là Vô năng địch; lúc dạo chơi cỡi con voi tên là Lũy Tuyết, ngựa tên là Tiểu bột. Những loài Phi thiên này thường đánh nhau với vua trời Tam Thập Tam để tranh giành hương vị Tu-đà và con gái Tu-la. Chúng thường xuất binh từ những vách núi, thân mặc áo giáp cứng chắc bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê... tay cầm kiếm giáo, tiêu, thương, cung tên thống lãnh bốn bộ chúng tham chiến. La-hầu-la, Hạng Man, Diệu Trấn, Tỳ-ma-chất-đa-la... những A-tu-la Vương ấy có khi ba vị trước đi đánh, có khi cả bốn người cùng đi. Bấy giờ năm chúng thủ hộ của Đế Thích tham chiến. Vị thứ nhất tên là Nguyễn Nhạo Bạch Pháp Long Vương trụ ở bờ biển dẫn quân đi đánh Phi thiên. Nếu Long Vương này không thắng thì đến thành Kiên thủ dẫn thủ hộ thứ hai cùng đi đánh Phi thiên. Nếu cũng không thắng thì đến thành Trì man dẫn thêm thủ hộ thứ ba cùng đi đánh Tu-la. Nếu lại không thắng thì đến thành Hằng Kiều dẫn thủ hộ thứ tư cùng đi đánh. Nếu cũng không thắng thì đi đến thành của Tứ Vương cùng thủ hộ thứ năm đi đánh. Tứ Đại Thiên Vương thống lãnh bốn đoàn quân đó mặc áo giáp báu cứng chắc tay cầm các khí cụ như giáo, trượng, đánh nhau với Tu-la. Hầu hết thì Tứ Thiên Vương đều thắng. Nếu không thắng nổi thì đến Đạo-lợi thiên, trước tiên thưa Đế Thích rằng: Bọn thủ hộ chúng tôi không thắng nổi A-tu-la Vương kia, mong nhà vua đứng ra chống địch. Thưa xong, Thiên chủ Đế Thích cỡi con voi Thiện trụ, bảo với chúng trong cõi trời thứ ba mươi ba rằng: Các người nên biết, nay quân của Tu-la đã đến tới đỉnh Diệu Cao, các người phải mặc áo giáp cứng chắc, cỡi những chiến xa giao chiến với Tu-la. Nói xong, các vị Thiên tử đều mặc áo giáp báu, tay cầm gươm giáo, đao, trượng đến vườn Chúng Xa Uyển lấy những cỗ xe, vào Thô

Ác để thân tâm chuyển thành ác, ra khỏi thành Thiện kiến giao chiến với Tu-la. Nếu Tu-la thắng thì họ xâm nhập đến nội thành. Nếu Thiên Vương thắng thì đuổi Tu-la về lại từng biển thứ nhất. Lúc đánh nhau, quân binh của Thiên Vương và Tu-la nếu bị chém cổ chém lưng thì liền chết ngay, nếu bị chém đứt tay chân thì lại bình phục như cũ. Nếu gặp lúc Bạt-già-phạm, Bích-chi-phật, Chuyển luân thánh Vương trụ thế, thì A-tu-la không khởi tâm tranh giành, giao chiến. Nếu có đánh nhau, chư Thiên tất thắng. Những việc phước thiện trong thế gian Tăng thịnh thì chư Thiên cũng thắng. Nếu việc bất thiện Tăng thì Tu-la thắng. Vì vậy chư Thiên thường hay hộ trì việc thiện.

- Trời:

Tứ sáu cõi trong Dục giới, mười bảy cõi trong Sắc giới và bốn cõi trong Vô sắc giới.

Sáu cõi trong Dục giới: Tầng thứ nhất của Tô-mê-lô sơn chúng Kiên Thủ ở. Tầng thứ hai là chúng Trì Man ở. Tầng thứ ba là chúng Hằng Kiều ở. Phía Bắc trên ngọn Trì Song sơn có thành tên là A-na-ca phước đế, có đại Thiên Vương tên là Đa Văn Thiên Vương cùng chúng Dược-xoa ở đó. Phía Đông có thành tên là Hiền Thượng, có đại Thiên Vương tên là Trì Quốc cùng chúng Càn-thát-bà ở đó. Phía Tây có thành tên là Chúng Sắc, có đại Thiên Vương tên là Quảng Mục cùng chúng Long thần ở đó. Phía Nam có thành tên là Tăng Trưởng, có đại Thiên Vương tên là Tăng Trưởng cùng chúng Diễm Man ở đó. Ngoài bốn tầng đó, thì bảy núi vàng, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, Thiết vi, Luân sơn, các núi ở Thiệm-bộ châu, dưới cây Đa-la, bộ chúng của Tứ Thiên Vương cũng ở trong ấy. Những nơi này đều thuộc quyền cai quản của Tứ thiên Vương và được gọi là một bộ. Thọ mạng của họ trong một ngày đêm bằng năm mươi năm của loài người. Như vậy tính ra họ sống đến năm trăm năm. Còn như thân lượng của họ thì bằng một câu-lô-xá và một phần tư. Cõi trời Tam Thập Tam ở trên đỉnh Diệu Cao là nơi thù thắng nhất dành cho Đế chủ, Đế Thích và cung nữ loài Phi thiên tên là Diệu An. Vua cùng chúng Thiên nữ thọ hưởng dục lạc chẳng hề nhàm chán. Khi lâm chiến vua cõi tượng Vương tên là Thiện trụ, lúc dạo chơi trong vườn, vua cõi tượng Vương tên là Ái-la-phiệt-noa (Hán dịch là Trì địa tử). Thân hình của hai con voi này mỗi con dài bảy do-tuần cùng ở chung với tám ngàn voi nhỏ khác. Lại có Mã Vương tên là Tốc tạt phong cùng ở chung với tám ngàn con ngựa khác. Phụ thần của Thiên chủ gồm ba mươi hai người, nên gọi là trời Tam thập tam. Các vị Thiên tử đều mê đắm năm món dục lạc. Nếu lúc phóng dật có trống đại thiên

phát ra âm thanh cảnh cáo chư Thiên rằng: Các hành đều vô thường, hữu lậu đều là khổ, các pháp đều vô ngã, tịch diệt là an vui. Lúc đánh nhau với Tu-la, nó phát ra âm thanh trừ khổ mà cảnh báo rằng: Mong trời thắng trận, Tu-la bại trận. Cung điện, thành trì, cây cối, nơi tập hợp, bàn đá... cũng đều như vậy. Thọ mạng của chư thiên một ngày đêm bằng một trăm năm ở nhân gian. Như vậy tính ra họ sống đến một ngàn năm. Thân lượng của họ bằng nửa du-xà-na.

Trời Diêm-ma: Trời Tam thập tam đánh nhau với Tu-la, còn trời này rời xa sự đấu tranh nên gọi là Ly Tránh thiên. Thọ mạng của họ một ngày đêm bằng hai trăm năm của loài người. Như vậy họ sống đến hai ngàn năm. Thân lượng của họ bằng hai du-xà-na.

Trời Đâu-suất-đà: Có Bồ-tát Từ Thị nối tiếp xuất thế. Ở ngôi vị Pháp Vương thọ hưởng Đại pháp lạc, nên gọi là Đâu-suất (Đây là nghĩa của Câu Lạc). Một ngày đêm ở đây bằng bốn trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến bốn ngàn năm. Thân lượng là bốn du-xà-na.

Trời Hóa lạc: Tự biến hóa ra sự thọ dụng, nên gọi là Hóa lạc. Một ngày một đêm ở đây bằng tám trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến tám ngàn năm. Thân lượng của họ là tám du-xà-na.

Trời Tha Hóa Tự Tại: Thọ dụng do sự biến hóa của người khác, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại. Vua trong cõi trời này uy đức rất tự tại, đây là chúa của Ma quân. Một ngày đêm ở đây bằng một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến mười sáu ngàn năm, thân lượng là mười sáu du-xà-na.

Dưới từ ngục Vô Giá lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại là phạm vi của Dục giới. Chúng sinh trong cõi này đắm trước dục lạc, nên gọi là Dục giới.

Mười bảy cõi trời thuộc Sắc giới nằm trong Tứ tinh lự (Tứ thiên).

Ba cõi thuộc Sơ thiên: Là Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, thọ mạng của các cõi này như sau: Phạm chúng là nửa kiếp, Phạm phụ là một kiếp, Đại phạm là một kiếp rưỡi. Thân lượng theo thứ tự sau: Nửa do-tuần, một do-tuần, một do-tuần .

Ba cõi thuộc Nhị thiên là: Thiếu quang, Vô lượng quang, Cực quang. Thọ mạng của Thiếu quang là hai kiếp (Từ đây lên đến Tứ thiên thiên cứ bốn mươi trung kiếp là một đại kiếp. Từ đây xuống các cõi trời dưới, cứ tám mươi trung kiếp là một đại kiếp). Vô lượng quang là bốn kiếp, Cực quang là tám kiếp. Thân lượng trong Thiếu quang là hai do-tuần, Vô lượng quang là bốn do-tuần, Cực quang là tám do-tuần.

Ba cõi thuộc Tam thiên là: Tiểu thiên, Vô lượng thiên, Quảng

thiện. Thọ mạng trong Tiểu thiện là mười sáu kiếp, Vô lượng thiện ba mươi hai kiếp, Quảng thiện là sáu mươi bốn kiếp. Thân lượng chư Thiên trong Tiểu thiện mười sáu do-tuần, Vô lượng thiện là ba mươi hai do-tuần, Quảng thiện là sáu mươi bốn do-tuần.

Tám cõi thuộc Tứ thiên là: Vô vân, Phước sinh, Quảng quả. (Ba cõi này phạm phu ở). Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc cứu cánh, năm cõi này Thánh nhân ở. Đây còn gọi là Ngũ tịnh cư thiên. Thọ mạng của chư Thiên trong Vô vân là một trăm hai mươi lăm kiếp, Phước sinh là hai trăm năm mươi kiếp, Quảng quả là năm trăm kiếp, Vô phiền là một ngàn kiếp, Vô nhiệt là hai ngàn kiếp, Thiện hiện là bốn ngàn kiếp, Thiện kiến là tám ngàn kiếp, Sắc cứu cánh là mười sáu ngàn kiếp. Thân lượng của chư Thiên trong Vô vân là một trăm hai mươi lăm do-tuần, Phước sinh là hai trăm năm mươi do-tuần, Quảng quả là năm trăm do-tuần, Vô phiền là một ngàn do-tuần, Vô nhiệt là hai ngàn do-tuần, Thiện hiện là bốn ngàn do-tuần, Thiện kiến là tám ngàn do-tuần, Sắc cứu cánh là mười sáu ngàn do-tuần. Bắt đầu từ Phạm chúng lên đến Sắc cứu cánh là địa phận của Sắc giới. Chúng sinh ở đây lìa được đục lạt nhưng chưa lìa sắc uẩn nên gọi là Sắc giới.

Bốn cõi thuộc Vô sắc giới: Chúng sinh cõi này không có sắc thân, không có xứ sở, từ trong định mà phân ra làm bốn cõi đó là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thọ mạng chúng sinh trong Không vô biên xứ là hai mươi ngàn đại kiếp, Thức vô biên xứ là bốn mươi ngàn đại kiếp, Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn đại kiếp, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là tám mươi ngàn đại kiếp. Bốn cõi này thuộc Vô sắc giới. Do chưa lìa được sắc định mà chỉ lìa được sắc thô, nên gọi là Vô sắc. Thọ mạng của bốn cõi này là năm, kiếp, thời. Số lượng ấy như thế nào? Thời gian nhỏ nhất gọi là sát-na. Một trăm hai mươi sát-na là một đất-sát-na, sáu mươi đất-sát-na là một la-bà, ba mươi la-bà là một mâu-hữu-đa (Hán dịch là Tu du), ba mươi mâu-hữu-đa là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Kiếp có sáu loại:

1. Trung kiếp (hay gọi là kiếp giảm).
2. Thành kiếp.
3. Trụ kiếp.
4. Hoại kiếp.
5. Không kiếp.
6. Đại kiếp.

Trung kiếp nghĩa là người ở Thiệm-bộ châu từ vô lượng năm giảm

dẫn xuống đến còn tám mươi ngàn năm, đây thuộc về thành kiếp. Từ tám mươi ngàn năm giảm dần xuống còn mười năm, đây là thời kỳ đầu của trung kiếp. Sau đó lại Tăng đến tám mươi ngàn năm, rồi giảm xuống còn mười năm là một vòng. Cứ như vậy mười tám lần Tăng giảm là mười tám trung kiếp. Sau đó từ mười năm Tăng lại đến tám mươi ngàn năm là kiếp sau cùng, cộng với kiếp đầu tiên và mười tám vòng kiếp giữa thì thành hai mươi trung kiếp.

Thành kiếp thì bắt đầu từ Phong luân lên đến địa ngục Vô Gián, sinh một hữu tình thì Khí thế giới thành, tồn tại trong một trung kiếp như đã nói ở trước.

8. Tình thế giới:

Ba ngàn thế giới ấy bị lửa thiêu đốt sau đó hình thành thế giới. Người Trời từ Cực quang thiên mạng chung, thác sinh vào xứ sở của Đại phạm. Họ ở trong ấy một mình nên sinh tâm mỗi một thở than. Nếu có người cùng cộng nghiệp sinh trong thế giới này thì cũng sẽ phát cái tâm như thế, dù không phải nhờ sức nhớ nghĩ người trời ở Cực quang thiên mạng chung, nhưng liền thác sinh trong xứ ấy. Cái tâm trước khi thác sinh suy nghĩ như vậy: “Do tôi tham sống”. Thế nên người ta nói rằng Đại phạm là thỉ tổ loài người.

Kế đó Phạm Phụ, Phạm Chúng, Tha Hóa Tự Tại cho đến Tứ Vương thiên lần lượt sinh trong Bắc Câu-lô châu, Tây Ngưu hóa châu, Đông Thắng thần châu, Nam Thiệm-bộ châu. Cứ thế lần lượt thác sinh. Bấy giờ người trong Nam Thiệm-bộ châu thọ mạng vô lượng, những thứ thức ăn thức uống, vui chơi có hình sắc đều do ý khởi tưởng mà thành. Thân họ mang đầy ánh sáng, tự tại bay nhảy giữa hư không, giống như chư Thiên trong Sắc giới cũng có loại này. Mùi vị của đất dần dần phát sinh vị ngọt, có màu trắng như mật, hương vị thơm ngát. Lúc bấy giờ có một người vốn bẩm tánh tham đắm mùi vị, khởi tâm phân biệt thối thơm, liền bốc đất ăn, lại bảo mọi người làm theo như mình. Do bốc ăn như vậy nên ánh sáng trên thân tắt hết. Do nghiệp lực chiêu cảm nên mặt trời, mặt trăng liền chiếu rọi bốn châu. Sau đó hương vị của đất cũng mất và phát sinh thành bánh bằng đất. Mùi vị của nó cũng ngọt nhưng có màu hồng như mật. Do họ tranh nhau lấy ăn, nên bánh đất này cũng mất. Thế là họ tranh nhau giành lấy dây leo trong rừng mà ăn, nên dây leo cũng hết. Rồi chẳng cần cày cấy mà lúa thóc tự mọc và mọi người cùng lấy lúa này để ăn. Do thức ăn này thô dở, nên họ phải bỏ cặn bả rễ gốc. Bấy giờ, chư Thiên hằng ngày lấy lúa thơm mà ăn. Sau đó có một

người vốn bầm tánh lười biếng cứ lấy hoài lúa thóc dự trữ ra ăn, những người khác cũng bắt chước anh ta, nên lúa thóc ngày càng vơi cạn. Từ đó họ cùng chia ruộng để phòng bị đến khi lúa hết sạch, cái tâm bảo thủ giữ gìn cũng bắt đầu phát sinh. Đối với những phần ruộng của kẻ khác họ cũng muốn rắp tâm chiếm đoạt, thế là nổi lên sự tranh giành. Bấy giờ mọi người bàn bạc nên cử một người có đức phong làm chúa để đứng ra chia ruộng đất, ý kiến này ai nấy đều đồng ý và người được cử là Đại Tam-mạt-đa Vương (Hán dịch là Chúng Sở Hứa). Vị vua này có rất nhiều con nối nhau làm vua. Con trai trưởng tên là Quang Diệu, con của Quang Diệu là Thiện Đế, con của Thiện Đế là Tối Thiện, con của Tối Thiện là Tĩnh Trai. Năm vị vua này là Ngũ Vương trong thời kỳ thành kiếp. Con của Tĩnh Trai Vương tên là Đảnh Sinh, con của Đảnh Sinh là Diệu Đế, con của Diệu Đế là Cận Diệu, con của Cận Diệu là Cụ Diệu, con của Cụ Diệu là Nghiêm Diệu. Năm vị vua này được gọi là ngũ Chuyển luân Vương. Con của Nghiêm Diệu Vương tên là Xả Đế. Con Xả Đế là Xả Song, con Xả Song là Xả Cố Ni, con Xả Cố Ni là Cố Thất, con của Cố Thất là Thiện Kiến, con của Thiện Kiến là Đại Thiện Kiến, con của Đại Thiện Kiến là Trừ Ngại. Con của Trừ Ngại là Kim Sắc, con của Kim Sắc là Cụ Phần, con của Cụ Phần là Ly Ác, con của Ly Ác là Diệu Cao, con của Diệu Cao là Định Hạnh, con của Định Hạnh là Thâm Hống Âm, con Thâm Hống Âm là Đại Thâm Hống Âm, con Đại Thâm Hống Âm là Năng An, con Năng An là Phương Chủ, con của Phương Chủ là Hiền Trần, con của Hiền Trần là Năng Quảng, con của Năng Quảng là Đại Thiên. Chủng tộc của vua này có năm ngàn người kế vị. Con út của vua này có tên là A-tư-ma-ca Vương có bảy ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cưu-lâu Vương có tám ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cụ Đầu Vương có chín ngàn người con kế vị. Người con sau cùng là Long Âm có mười ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Đát-di-lâu-đát, có mười lăm người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cù-đàm Thị, tức dòng họ Cam Giá, con cháu họ nối tiếp nhau. Dòng Cam Giá Vương có một ngàn một trăm người kế vị. Người con sau cùng của dòng họ này tên là Tăng Trưởng, tức là Ý Sư Ma Vương. Nhà vua này có bốn người con:

1. Diện Quang.
2. Tượng Thực.
3. Điều Phục Tượng.
4. Nghiêm Trạc.

Đây gọi là họ Thích-ca.

Nghiêm Trạc có người con tên là Nghiêm Trạc Túc, con Nghiêm Trạc Túc là Trí Sở, con của Trí Sở là Ngưu Cư, con của Ngưu Cư là Sư Tử Giáp Vương. Sư Tử Giáp Vương có bốn người con:

1. Tịnh Phạn.
2. Bạch Phạn.
3. Hộc Phạn.
4. Cam Lộ Phạn.

Con của Tịnh Phạn Vương tức là Bà-già-phạm, con thứ của ông ta là Nan-đà. Bạch Phạn Vương có hai người con:

1. Đế-sa tức Điều-đạt.
2. Nan-đề-ca.

Hộc Phạn Vương có hai người con:

1. A-ni-lâu-đà.
2. Bạt-đề-la-ca.

Cam Lộ Phạn Vương có hai người con:

1. A-nan.
2. Đề-bà-đạt-đa.

Con của Bạt-già-phạm tên là La-hầu-la. Chủng tộc Thích-ca đến đây là hết.

Lại nữa các dòng vua khác theo giáo pháp mà chấn hưng Phật giáo. Hai trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, quốc Vương của Trung Ấn Độ là Vô Ú làm quốc Vương ở Nam Thiệm-bộ châu, thường làm Đại thí chủ chấn hưng Phật giáo trong những lần kết tập. Sau đó ba trăm năm, phía Tây Bắc Thiệm-bộ châu có vị vua tên là Cát-cư-thi-cát làm Đại thí chủ chấn hưng Phật pháp trong ba lần kết tập. Trong các nước khác như Phạm Thiên Trúc, Ca-thấp-di-la, Lã Quốc, Quy Tư, Niết-ba-lạt, Chấn Đán, Đại Lý, Tây Hạ... Các vị quốc Vương ấy đều chấn hưng Phật pháp ở ngay đất nước của mình. Hơn một ngàn năm sau khi Như Lai diệt độ, trong nước Tây Phiên mới bắt đầu có vua tên là Nha Khất Lật Tán Phổ. Đến đời vua thứ hai mươi sáu tên là Hợp đà đóa lật tư nhan tán. Lúc bấy giờ Phật pháp mới lưu nhập trong nước này. Về sau đời thứ năm có vua tên là Song tán tư nhan phổ, bấy giờ có Ban-di-đạt tên là A-đạt-đà, dịch chủ tên là Đoan Mỹ Tam-ba-la cùng phiên dịch giáo pháp, sửa sang xây dựng tịnh xá ở các nơi như Hợp tát... để lưu truyền giáo pháp. Sau đó đến đời vua thứ năm tên là Khất lật song đề tán, vị vua này thỉnh Đại sư Thiện Hải, Thượng sư Liên Hoa Sinh, Ca-ma La-thập-la, thế là chúng Ban-di-đạt được thành lập. Những người ấy cùng với Tỳ-lô-giá-na-la-khư-đát và Khương Long Tôn Hộ... cả bảy người cùng phiên dịch

giáo pháp. Ngoài ra Ban-di-đạt còn cùng với các dịch chủ truyền bá rộng những giáo pháp đã dịch ra. Ba giới cấm được hoàng truyền trong quốc gia này. Sau này đến đời vua thứ ba là Khất-lật-lai-ba-đảm, vị vua này mở mang thêm bờ cõi. Bấy giờ có những người như Na-di-đa tinh thấp, Liên-đất-la Bồ-đề, Ban-di-đạt... cùng Tư-cát-cán, Kiết Tường, Tích-chước-la Long Tràng... hiệu đính những bản đã dịch, phiên dịch những bản chưa phiên dịch, hoàng truyền giáo pháp. Dòng Tây phiên Vương đến nay có những người phiên dịch như Ban-di-đạt... dịch chủ, chúng Thiện tri thức rất nhiều, cho nên giáo pháp rất hưng thịnh.

Quốc gia Mông cổ phía Bắc: Do phước duyên đời trước chín muồi nên sinh ra vua Thành Cát Tư. Ban đầu Thành Cát Tư làm vua ở phương Bắc, một nước đa âm như Thiết luân Vương. Con ông ta tên là Quản Quả Đới, thời bấy giờ gọi là Khả Hãn, kế thừa ngôi vua mở mang bờ cõi. Con ông là Cổ Vĩ thừa kế ngôi vua. Con thứ của Thành Cát Hãn Hoàng đế là Dựng La, con trưởng của Dựng La tên là Mông Kha, cũng lên nối ngôi vua. Em trai của vua này là Hốt Tất Liệt kế thừa ngôi vua, chinh phục các nước láng giềng mở mang lãnh thổ, quy y Phật pháp, dùng Phật pháp cai trị muôn dân. Phật giáo ở thời kỳ này hưng thịnh lây lừng gấp bội lần thời kỳ trước đó. Vua có ba người con. Con trưởng tên là Chân Kim, thân tướng tuấn tú như Thiên Pháp Bảo Trang Nghiêm. Con thứ hai tên là Mang Các Lạt. Con thứ ba là Nạp-ma-ha. Người nào cũng có đức độ, cai trị muôn dân chẳng khác cha mình. Đây là thời kỳ sơ khai.

9. Thử Tổ Đế Vương Tam Mạt Đa Vương:

Lúc bấy giờ ruộng đất đã được phân chia, người ta nổi lên xâm lấn trộm cắp lẫn nhau. Ban đầu phát sinh trộm cắp bị vua bắt tra hỏi, người này liền chối: “Tôi chưa từng ăn cắp”, thế là bắt đầu sinh ra nói dối, bị pháp vua hành hình, tức là có việc sát hại, pháp bất thiện từ đó phát sinh. Lúc ấy chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, sau khi chết sinh trong loài bàng sinh, kế đến sinh trong loài ngạ quỷ, lần hồi sinh trong địa ngục. Kế đến trong ngục Vô Gián nếu có một hữu tình thác sinh thì lúc bấy giờ thành kiếp hết. Như vậy, hữu tình tạo tác các nghiệp bất thiện, thì thọ mạng của họ giảm dần, sự thọ dụng cũng ngày một thiếu thốn. Người trong Diêm-phù-đề thọ tám mươi ngàn tuổi, địa ngục Vô Gián sinh một hữu tình, hai việc này cùng xảy ra một lúc. Thế là tình thế giới hình thành một trung kiếp, thì Khí thế giới là mười chín trung kiếp. Như vậy thời hạn của thành kiếp là hai mươi trung kiếp. Lúc con người trong

Diêm-phù-đề thọ tám mươi ngàn tuổi mới là thời kỳ trụ kiếp. Trụ kiếp cũng tồn tại trải qua hai mươi trung kiếp. Đến khi con người chỉ sống được mười tuổi, xảy ra nạn đao binh trong bảy ngày đêm, tật bệnh nổi lên đến bảy năm bảy tháng, bảy ngày; nạn đói khát xảy ra cũng bảy năm bảy tháng bảy ngày. Phần đông ai nấy đều chết cả. Số ít còn lại thấy mình may mắn sống sót, nên khởi tâm kính trọng lẫn nhau, xa lìa nghiệp sát hại, dần dần sinh thiện tâm. Từ đó thọ mạng và thọ dụng của họ cũng dần dần Tăng lên. Tăng đến lúc con người sống thọ tám mươi ngàn tuổi thì Chuyển luân thánh Vương xuất thế, dùng chánh pháp giáo hóa muôn dân. Lúc tuổi thọ giảm xuống thì Bà-già-phạm xuất thế để cứu độ chúng sinh. Trong khoảng giữa của lúc Tăng giảm có Độc giác xuất thế làm phước điền cho tất cả chúng sinh. Trụ kiếp tồn tại hai mươi trung kiếp mới đến thời kỳ của hoại kiếp.

Ban đầu tình thế giới hư hoại, trong ngục Vô Gián không có hữu tình thác sinh, nghiệp đời trước hết, thác sinh ở trong đường khác. Nếu hữu tình chưa đoạn sạch nghiệp thì sinh trong địa ngục trên (trên Vô Gián) hay sinh trong địa ngục Vô Gián của thế giới khác. Như vậy những địa ngục từ Vô Gián trở lên dần dần hoại hết, thì họ thác sinh trong loài ngạ quỷ, kể đến ngạ quỷ, bàng sinh cũng trống không thì họ sinh trong loài người, ngoại trừ Bắc Câu-lô châu. Ngoài ra họ còn được sinh trong Lục dục thiên, dù không có Đạo sư, Phật pháp, nhưng vẫn đạt được Sơ tinh lự sinh vào Sơ thiên thiên. Người ở Bắc Câu-lô châu sinh trong cõi trời thuộc Dục giới, đạt được Sơ tinh lự sinh trong Sơ thiên thiên. Dù không có đạo sư, không gặp chánh pháp nhưng họ đạt được Nhị tinh lự sinh vào Nhị thiên thiên. Từ ngục Vô Gián lên đến Phạm thế đều không còn, như vậy Hoại kiếp đã qua mười chín trung kiếp. Sau đó trong bốn châu có bảy mặt trời xuất hiện. Đầu tiên là không có mưa, rừng rậm cỏ cây đều bị khô héo. Lúc hai mặt trời xuất hiện thì ao rãnh đều bị khô cạn. Lúc ba mặt trời xuất hiện thì những con sông như hằng hà... đều cạn nước. Lúc bốn mặt trời xuất hiện thì ao Vô nhiệt khô cạn. Lúc năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biển chỉ còn đến đầu gối. Lúc sáu mặt trời xuất hiện thì nước trong biển cả đều khô cạn. Lúc bảy mặt trời xuất hiện thì khí thế giới ấy bị lửa thiêu đốt. Từ ngục Vô Gián lên đến Phạm thế đều bị thiêu cháy cả, trong một trung kiếp như vậy. Tổng cộng hoại kiếp đã trải qua hai mươi trung kiếp. Không kiếp cũng như thế. Như vậy thành, trụ, hoại, không, cả thảy tám mươi kiếp. Gọi chung tám mươi kiếp này là một đại kiếp, bằng thọ lượng của chúng sinh trong Phạm chúng...

10. Khí Thế giới Hư Hoại:

Khí thế giới hư hoại có ba loại. Hỏa hoại, thủy hoại, phong hoại cũng giống như đã nói ở trên. Như vậy sau bảy lần ấy thế giới mới khôi phục trở lại. Lại bị nạn thủy tai phá hoại lên đến Nhị thiên thiên. Từ Cực quang thiên, liền có mây to mưa lớn trút xuống. Khí thế giới ấy ngập chìm trong biển nước mênh mông, rồi nước ấy rút hết, là một lần thủy tai. Kế đến lại bị bảy lần hỏa tai. Cứ bảy lần hỏa tai lại có một lần thủy tai. Cứ thế mà xảy ra bảy lần thủy tai như vậy. Lại nữa sau bảy lần thủy tai thì thế giới lại hình thành, lại bị phong tai phá hoại lên đến Tam thiên thiên. Sức mạnh của gió này thổi tung cả Diệu Cao hưởng gì là những thứ khác. Đệ Tứ thiên thiên không bị ảnh hưởng. Những loài hữu tình ấy sinh, thì cung điện xuất hiện, mạng chung thì cung điện ẩn mất. Như vậy Khí thế giới, tình thế giới thành hoại đã trình bày xong.

Ngài Niệm Thường nói: Kha Thư cho rằng: Trong năm trăm năm tất có Vương giả xuất thế, trong thời đó lại có kẻ nổi danh ở đời. Lời nói đó quả thật đúng thay! Như Hoàng Nguyên ta, lừng lẫy một nơi, vạn bang điều phục, tôn kính Phật thừa, lạy thỉnh pháp Vương Thượng sư Tát-tư-ca, Đại Ban-di-đạt, Phát-tư-ba, Tuệ tràng, Kiết Tường Hiền làm Đế sư, nêu cao việc tốt đẹp. Nhà vua xuống chiếu lấy tên nước là Đại Nguyên. Đế sư vận dụng bút văn, phỏng theo sử truyện, lại được vua ban chiếu chỉ, tể, quân, châu, huyện trong triều đều tuân thủ, nên trước tác bộ điển chương cho thời thế, đó là Chương Sở Tri Luận.

Khi Dụ Tông chưa lên ngôi, đã thỉnh Sư diễn thuyết luận này. Nội dung bộ luận trình bày về năm phẩm là Khí Thế giới, Tình Thế giới, Đạo Pháp, Quả Pháp và Vô vi pháp. Năm phần này tóm thâu tất cả những điều thấy biết, nên lấy tên là Chương Sở Tri Luận. Phần lớn sư dựa trên công phu tu tập hằng ngày, cùng những kinh luận trong đời mà viết ra. Đối với nghĩa lý thì thật tương ứng, hệ thống lại những điểm nhằm lẫn cũng không phải ít. Nếu chẳng phải là bậc đại trí luận biện đến chỗ tột cùng của thật tướng thì làm sao có thể liễu đạt những pháp lớn như không kiếp, những pháp nhỏ như Lân hư trần rõ ràng như trái Am-ma-lặc trong lòng bàn tay như vậy được!

Thánh đức Thần công của Thế Tổ làm hoàng đế cả văn võ. Đạo thì khế với Phật tâm, đức thì vượt xa muôn Thánh, giữ gìn đại giáo, đáng là người ở dưới Hoàng thiên ở trên mọi người.

Phật tử của Tây Thiên là bậc Đế sư của Đại Nguyên, được vua ân sủng. Là người tôn sư trọng đạo, đâu chỉ làm ra điển chương cho Đế vương muôn đời mà còn là ngọn đèn chân chính cho những kẻ ngu mê

lạc đường trong đêm tối.

Ở đây tôi chỉ sao lục lại hai chương Khí Thế Giới và Tinh Thế Giới, đặt nó ở tiên đầu tiên. Còn lại ba chương Đạo pháp, Quả pháp và Vô vi Pháp có nói đủ trong Chương Sở Tri Luận.